

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG SỰ SUY GIẢM DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA ĐƯỜNG HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Trần Thanh Dũng¹, Nguyễn Hoàng Phong², Võ Thị Lào¹,
Nguyễn Thị Thảo Linh¹, Nguyễn Lâm Thảo Lan¹

¹Trường Đại học Cần Thơ; ²Trường Trung cấp dân tộc nội trú Trà Cú

Liên hệ email: thanhdung@ctu.edu.vn

TÓM TẮT

Đề tài nhằm nhận ra các yếu tố làm suy giảm diện tích và giải pháp ổn định diện tích trồng mía. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên kết hợp phân tầng để phỏng vấn 90 nông hộ về canh tác mía từ năm 2014 đến năm 2016. Đồng thời, nghiên cứu dùng các phương pháp thống kê mô tả, hồi quy tuyến tính và SWOT để phân tích. Kết quả cho thấy nông dân có lợi nhuận thấp, diện tích giảm mạnh qua các năm, các yếu tố ảnh hưởng đến suy giảm diện tích trồng mía là độ chừ đường, đất nhiễm mặn, có tham gia tập huấn, thiếu lao động và sử dụng giống cũ. Qua đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm ổn định diện tích vùng nguyên liệu mía đường.

Từ khóa: Mía đường, suy giảm diện tích, vùng nguyên liệu.

Nhận bài: 02/01/2018

Hoàn thành phản biện: 01/02/2018

Chấp nhận bài: 15/05/2018

1. MỞ ĐẦU

Ngành sản xuất đường là một trong những ngành công nghiệp chế biến nông sản lâu đời nhất trên thế giới, với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia vào chuỗi giá trị. Ở Việt Nam, hiện nay nhiều nhà máy sản xuất đường được trang bị những thiết bị hiện đại mang tính tự động hóa cao, đồng thời áp dụng công nghệ mới trên thế giới vào sản xuất. Một số nhà máy đường ở nước ta có thể sánh ngang tầm với những nhà máy hiện đại ở khu vực châu Á (Nguyễn Ngô, 2011). Tây Nam Bộ là một trong những vùng trồng mía trọng điểm của cả nước (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2015), trong đó Trà Vinh là tỉnh có diện tích trồng mía đứng thứ năm với 5.769 ha và Trà Cú là huyện có diện tích lớn nhất toàn tỉnh (diện tích 4.388 ha, chiếm 76,06% diện tích trồng mía toàn tỉnh). Cây mía là một trong những cây trồng mang lại thu nhập chính cho nông dân vùng nguyên liệu mía, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế của tỉnh (Trần Lợi, 2012).

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, diện tích trồng mía ở Trà Vinh, cụ thể là vùng nguyên liệu mía đường Trà Cú sụt giảm mạnh. Người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng hoặc ngưng trồng mía làm cho thiếu hụt nguyên liệu sản xuất đường. Chính vì thế đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc suy giảm vùng nguyên liệu mía đường tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh” được thực hiện là rất thiết yếu nhằm tìm hiểu nguyên nhân và giải pháp ổn định vùng nguyên liệu mía đường huyện Trà Cú.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

Đề tài thực hiện các nội dung như sau:

- *Tìm hiểu thực trạng sản xuất mía:* thông tin nông hộ, tình hình canh tác và hiệu quả tài chính.

- *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự suy giảm diện tích trồng mía*: tình hình suy giảm và nhận ra các yếu tố suy giảm.

- *Đề xuất giải pháp ổn định vùng nguyên liệu mía đường Trà Cú*: từ kết quả phân tích các nội dung trên kết hợp phân tích thể mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT), đề tài đề xuất các giải pháp ổn định diện tích trồng mía.

2.2. Phương pháp

2.2.1. Phương pháp chọn vùng và chọn mẫu

Đề tài nghiên cứu các xã thuộc huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Xã Lưu Nghiệp Anh, xã Kim Sơn, xã An Quảng Hữu; đây là những địa bàn có qui mô trồng mía chuyên canh chiếm tỷ trọng lớn 68,8% tổng diện tích toàn huyện, chọn các địa bàn này sẽ mang tính đại diện cao.

Để đảm bảo tính khoa học, tính chính xác của số liệu, phương pháp chọn mẫu phân tầng theo 3 xã kết hợp với ngẫu nhiên được sử dụng để tiến hành thu thập số liệu.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp gồm các thông tin liên quan đến năng suất, sản lượng và các chính sách liên quan đến sản xuất mía được thu thập từ: các báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Bảo vệ Thực vật, Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện Trà Cú; Báo cáo tổng kết năm của Công ty mía đường Trà Vinh hàng năm và một số tài liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu; Các trường Đại học/Viện nghiên cứu; và thông tin từ các Website có liên quan đến nội dung nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp: Đề tài điều tra tại 03 xã với số mẫu mỗi xã điều tra 30 hộ. Tổng số hộ được điều tra là 90 hộ. Bên cạnh đó, số liệu sơ cấp còn được thu thập thông qua phương pháp phỏng vấn chuyên sâu (KIP - *Key informant panel*) 1 đại diện lãnh đạo phòng nông nghiệp huyện, 3 đại diện cán bộ nông nghiệp trên địa bàn 3 xã nghiên cứu. Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia (PRA) tại một số điểm với thành phần nông dân sản xuất giỏi, xã viên hợp tác xã sản xuất mía, chính quyền địa phương (ấp).

2.2.3. Phương pháp phân tích

Đề tài sử dụng phương pháp phân tích:

- Thống kê mô tả, gồm các trị số trung bình, min, max, độ lệch chuẩn; tần số, phần trăm... để mô tả về hiện trạng canh tác mía.

- Hồi quy tuyến tính để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự suy giảm diện tích trồng mía, mô hình tuyến tính được sử dụng có công thức:

$$Y = a + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3X_3 + b_4X_4 + b_5X_5$$

Trong đó:

Y: biến phụ thuộc, sự thay đổi giảm diện tích từ năm 2014 đến năm 2016 (%)

X: là các biến độc lập, được diễn giải như sau:

X₁: Tỷ lệ bị nhiễm mặn, phần đất canh tác bị nhiễm mặn, được tính bằng %

X₂: Độ chũr đường, giá trị độ đường tích trữ trong cây mía được công ty Mía đường Trà Vinh thu mẫu và phân tích xác định, được tính bằng độ Brix.

X₃: Thiếu lao động, sự xác nhận của nông hộ về tình hình lao động canh tác mía ở địa phương, đây là biến giả nhận giá trị 1 nếu thiếu lao động và giá trị 0 nếu không thiếu lao động.

X₄: Sử dụng giống cũ, nông dân sử dụng giống cũ để canh tác, đây là biến giả nhận giá trị 1 nếu nông dân có sử dụng giống cũ và giá trị 0 nếu không sử dụng giống cũ.

X₅: Tập huấn, nông dân tham gia lớp tập huấn về sản xuất tiêu thụ mía, đây là biến giả nhận giá trị 1 nếu nông dân được tập huấn và giá trị 0 nếu không được tập huấn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sản xuất

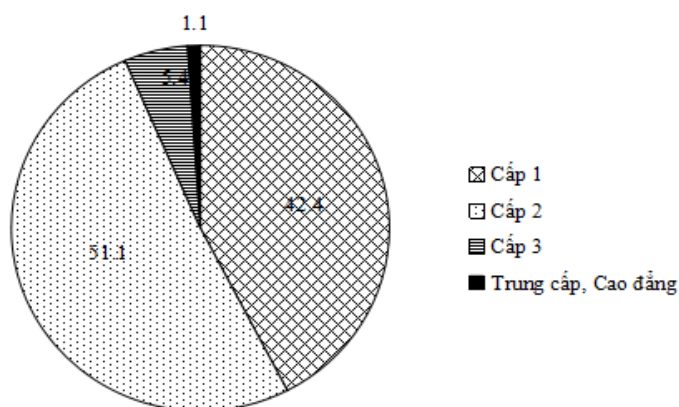
3.1.1. Thông tin nông hộ

Chủ hộ thường là người đưa ra các quyết định trong quá trình canh tác mía, cho nên các thông tin về chủ hộ rất hữu ích để nắm tình hình chung trong canh tác mía của nông hộ. Kết quả phân tích cho thấy tuổi của chủ hộ khá cao nhưng không quá tuổi lao động và kinh nghiệm trồng mía nhiều là thế mạnh cho nông hộ sản xuất mía đạt hiệu quả.

Bảng 1. Thông tin nông hộ (N = 90)

Thông tin	Trung bình	Khoảng biến động	Độ lệch chuẩn
Tuổi chủ hộ (tuổi)	52,14	30 - 69	9,15
Kinh nghiệm (năm)	16,12	5 - 40	6,91
Lao động tham gia trồng mía (người)	2,48	1 - 6	1,05

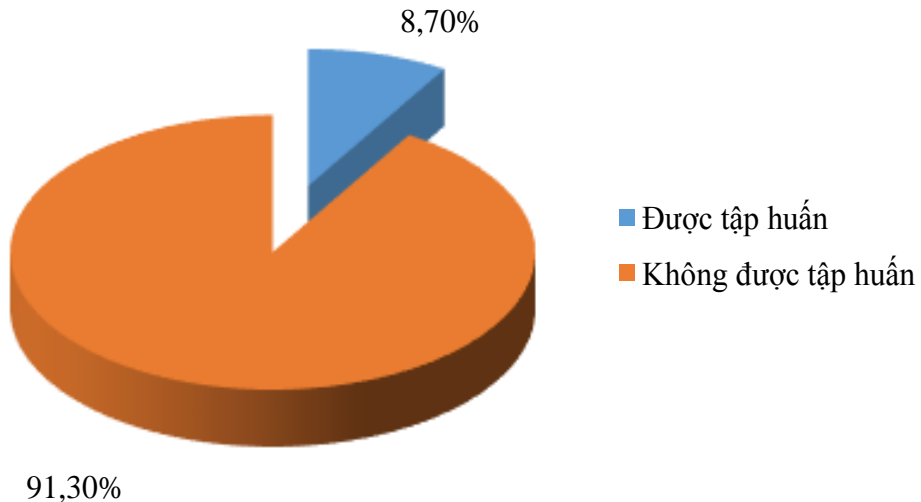
Tuy nhiên, nông hộ trồng mía nơi đây có trình độ học vấn tập trung ở cấp 1 và cấp 2 (Hình 1), là tương đối thấp, sẽ ảnh hưởng đến tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Theo Phạm Lê Thông và cs. (2010), nông dân có trình độ học vấn cao sẽ dễ dàng và nhanh chóng nắm bắt, áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới; ngược lại nông dân có trình độ thấp sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập kỹ thuật mới từ các chuyên gia tập huấn kỹ thuật. Thêm vào đó là lao động tham gia canh tác mía quá ít (Bảng 1), mà trong canh tác mía cần rất nhiều lao động tham gia các khâu xuống giống, phun thuốc, bón phân, đánh lá, thu hoạch... nên với số lao động chưa tới 3 người/hộ thì việc canh tác mía rất thiếu hụt.



Hình 1. Trình độ học vấn của nông hộ.

Một yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả trong sản xuất đó là chuyển giao kỹ thuật. Ngoài kinh nghiệm sản xuất thì việc học hỏi thêm kỹ thuật mới đóng một vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất (Trương Thị Ngọc Chi, 2012). Tuy nhiên, đa

phần nông hộ nơi đây không được qua tập huấn, đào tạo chuyển giao các kỹ thuật canh tác mía, điều này có thể gây nhiều khó khăn trong sản xuất nhất là trong tình hình dịch bệnh và biến đổi khí hậu.



Hình 2. Tỷ lệ hộ được và không được tập huấn.

Nhìn chung, canh tác mía muốn đạt hiệu quả cần sự kết hợp nhiều yếu tố. Tuy nhiên nông hộ trong vùng nghiên cứu chỉ có mật mạnh về tuổi và kinh nghiệm sản xuất, đa phần nông dân còn mặt hạn chế về trình độ học vấn, lao động và sự tham gia tập huấn.

3.1.2. Tình hình sản xuất mía

- Giống mía:

Trong sản xuất mía, giống là rất quan trọng, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng mía (Trần Thùy, 1999). Giống mía được các nông dân sử dụng trong canh tác đa phần là giống hộ tự đề (33,7%), số đông khác sử dụng giống từ hộ hàng xóm (24,8%) và không rõ nguồn gốc (21,3%); trong khi rất ít nông hộ sử dụng giống từ phòng Nông nghiệp (1,2%) hoặc công ty mía đường (3,9%)... Những giống nông dân sử dụng thường không được chọn lọc cẩn thận, không được lai tạo hoặc kiểm tra sự thích ứng, sự chống chịu sâu bệnh cũng như biến đổi khí hậu, chưa kể là chất lượng giống mía không đáp ứng nhu cầu tạo đường cho công ty.

Bảng 2. Nguồn gốc giống mía được nông dân sử dụng trong canh tác

Nguồn giống	Tần số	Phần trăm (%)
Hộ tự đề giống	87	33,7
Mua từ thương lái (ghe)	39	15,1
Mua từ công ty mía đường	10	3,9
Mua từ phòng Nông nghiệp	3	1,2
Mua từ những hộ nông dân cùng xóm	64	24,8
Không rõ nguồn gốc	55	21,3
Tổng	258	100,0

Có đến 71% số nông dân chọn nhiều giống mía từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau cho nên nguồn gốc giống có tần số xuất hiện là 258 lần, trong đó những nguồn giống do nông dân tự đề, mua từ thương lái, hàng xóm, không rõ nguồn gốc chiếm đến 94,9% trong

tổng lần xuất hiện. Những giống mía này nông dân không nhớ hoặc không rõ tên giống là gì nhưng lại được nông dân canh tác trong thời gian rất lâu, từ 3 năm trở lên, những giống mía cũ này được ưu ái là do người dân quen với đặc tính sinh trưởng và phát triển nên thuận tiện để canh tác. Nông dân còn cho rằng địa phương thiếu giống mới được cung cấp từ công ty hay phòng Nông nghiệp nên nông dân vẫn tiếp tục sử dụng giống cũ để canh tác. Những giống mía mới như K93-236, K2000-89, Khonkaen 3, Ko414 (với số lần xuất hiện là 5,1%), những giống mía mới này chỉ có 29% số nông dân sử dụng trong canh tác được Công ty mía đường và phòng Nông nghiệp cung cấp cho nên họ chỉ sử dụng giống được giao mà không canh tác giống cũ.

- Tình hình sâu bệnh

Trong quá trình sản xuất, người nông dân rất e ngại mỗi khi sâu bệnh tấn công cây mía vì nó ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất và chất lượng cây mía. Tuy nhiên, nông dân trồng mía trong vùng nghiên cứu vẫn không sao tránh khỏi sâu bệnh hoặc ít hoặc nhiều.

Bảng 3. Mức độ gây hại của sâu bệnh trên mía

Mức độ gây hại	Tần số	Phần trăm (%)
Nặng	13	18,6
Trung bình	50	71,4
Nhẹ	7	10,0
Tổng	70	100,0

Thực tế, cây mía ngày càng phải chịu mức độ gây hại từ sâu bệnh nhiều hơn qua các năm. Trong đó phải kể đến nguyên nhân mà hộ nông dân nào cũng gặp phải là do sâu đục thân và sâu đục ngọn, bên cạnh đó cũng xuất hiện một số nguyên nhân khác như bọ phấn trắng, bệnh thối đỏ và bệnh than.

- Tình hình nhiễm mặn:

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà rõ ràng nhất là hiện trạng nhiễm mặn đã ảnh hưởng rất nhiều trong canh tác nông nghiệp.

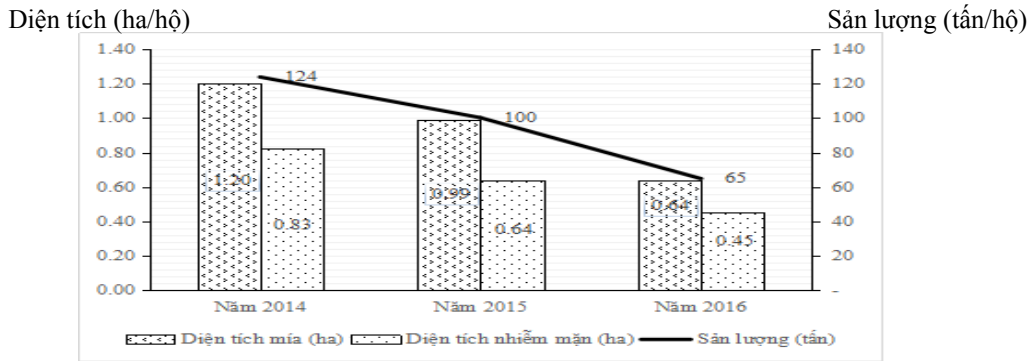
Bảng 4. Mức thiệt hại của tình trạng nhiễm mặn

Mức độ thiệt hại	Tần số	Phần trăm (%)
Thiệt hại nặng	66	64,08
Thiệt hại trung bình	30	29,13
Mất trắng	40	6,80
Tổng	136	100,00

Tương tự như bao cây trồng khác, cây mía ở huyện Trà Cú cũng gặp không ít khó khăn khi nước mặn tràn về, làm cho người dân phải tốn thêm chi phí xuống giống lại hoặc chuyển đổi mô hình canh tác là nuôi cá hoặc trồng loại màu khác. Đây cũng chính là nguyên nhân làm suy giảm diện tích trồng mía.

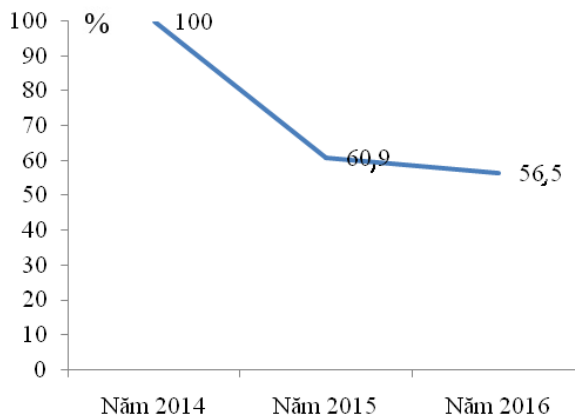
- Diện tích:

Diện tích trồng mía của nông dân huyện Trà Cú có xu hướng giảm qua các năm. Năm 2014, diện tích trồng mía đường trung bình của nông hộ là 1,2 ha/hộ, và giảm xuống còn 1 ha vào năm 2015 và đến năm 2016 thì diện tích canh tác mía đường của nông hộ chỉ còn 0,6 ha.



Hình 3. Diện tích, diện tích nhiễm mặn, sản lượng trồng lúa của nông hộ giai đoạn 2014 – 2016.

Kết quả cũng chỉ ra rằng, tỷ lệ diện tích canh tác lúa bị nhiễm mặn chiếm tỷ lệ khá cao. Năm 2014, diện tích nhiễm mặn trung bình là 0,83 ha/hộ (chiếm 79,5%); năm 2015, diện tích nhiễm mặn trung bình là 0,64 ha/hộ (chiếm 61,9%); năm 2016, diện tích nhiễm mặn trung bình là 0,45 ha/hộ (chiếm 54,5%). Do diện tích nông hộ giảm qua các năm 2014 - 2016 nên sản lượng lúa đường trung bình của mỗi nông hộ cũng giảm xuống lần lượt là 124 tấn, 100 tấn và 65 tấn.



Hình 4. Diện tích lúa giảm từ năm 2014 đến năm 2016.

% Kết quả phân tích cho thấy diện tích lúa giảm dần qua các năm, đến năm 2016 diện tích trồng lúa trung bình của các nông hộ chỉ còn 56,5% so với năm 2014. Điều này cảnh báo sự thiếu hụt nguyên liệu lúa trong sản xuất đường trong vùng.

3.1.3. Hiệu quả tài chính trong canh tác lúa

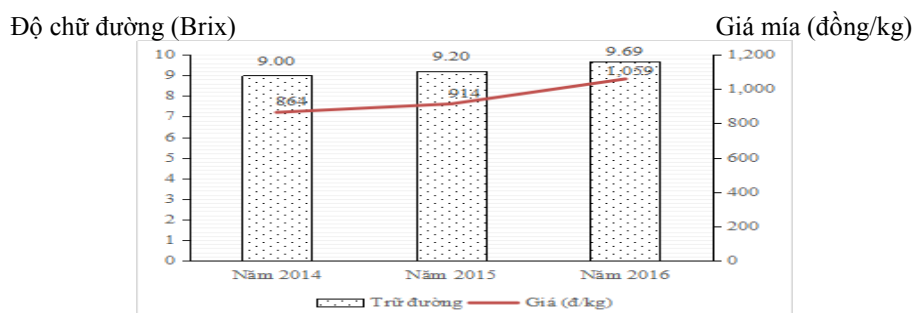
Bảng 5. Hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa

Chỉ tiêu	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổng chi (triệu/ha/năm)	94,65	11,87
Năng suất (tấn/ha/năm)	100,20	17,62
Đơn giá (triệu/tấn)	1,06	0,74
Tổng thu (triệu/ha/năm)	109,52	18,98
Lợi nhuận (triệu/ha/năm)	14,87	1,70

Lợi nhuận là mục đích cuối cùng trong sản xuất. Lợi nhuận là sự chênh lệch giữa tổng thu và tổng chi phí canh tác lúa. Bảng 5 cho thấy chi phí trồng lúa quá cao mà năng suất lại thấp do hầu hết nông dân dùng giống cũ, sử dụng kinh nghiệm để sản xuất mà không

ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Mặt khác, do tình hình nhiễm mặn nên nông dân phải xuống nhiều đợt giống nên chi phí cao và năng suất thấp.

Giá bán mía phụ thuộc vào chất lượng mía, đặc biệt là độ chữ đường. Độ chữ đường càng cao thì giá bán mía càng cao. Tuy nhiên trong những năm qua, độ chữ đường do công ty thu thập mẫu và đo lường để định giá mía quá thấp, vì vậy, giá mía của nông dân bị giảm.



Hình 5. Độ chữ đường và giá bán mía qua các năm.

Do chi phí sản xuất cao, năng suất thấp và giá bán không như mong muốn nên lợi nhuận từ trồng mía rất thấp và thấp hơn nhiều so với một số cây trồng khác như đậu phộng. Lợi nhuận từ trồng mía ước tính hơn 14 triệu/ha trong lúc đó đậu phộng mỗi năm lợi nhuận khoảng hơn 22 triệu đồng/ha (Bùi Văn Trịnh và Phan Thị Xuân Huệ, 2015). Lợi nhuận quá thấp mà nông dân nơi đây có diện tích khoảng hơn 1 ha/hộ nên nông hộ gặp rất nhiều khó khăn để tiếp tục canh tác mía.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự suy giảm diện tích trồng mía

Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy, hệ số tương quan $R = 83,9\%$ nghĩa là sự thay đổi về diện tích liên quan chặt chẽ 83,9% đến các yếu tố tỷ lệ nhiễm mặn, độ chữ đường, thiếu lao động, sử dụng giống cũ và tập huấn. Hệ số xác định $R^2 = 70,4\%$ cho thấy có 70,4% sự thay đổi về diện tích trồng mía ảnh hưởng bởi các yếu tố tỷ lệ nhiễm mặn, độ chữ đường, thiếu lao động và sử dụng giống cũ; còn 29,6% chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác không đưa vào mô hình. Hệ số VIF của tất cả các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 cho thấy các biến đưa vào mô hình không bị đa cộng tuyến.

Tỷ lệ nhiễm mặn có hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,30% điều này thể hiện diện tích trồng mía giảm đồng biến với tỷ lệ nhiễm mặn. Nghĩa là nông hộ có tỷ lệ đất nhiễm mặn càng nhiều thì nông hộ đó càng có khả năng giảm diện tích đất sản xuất. Thực tế trong những năm qua tình trạng nhiễm mặn đã xảy ra trên huyện Trà Cú gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất mía của nông dân, vì thế nông dân chuyển đổi mô hình sản xuất khác như nuôi cá, tôm để thích ứng với tình hình nhiễm mặn.

Lợi nhuận là mục đích cuối cùng trong sản xuất. Lợi nhuận là sự chênh lệch giữa tổng thu và tổng chi phí canh tác mía. Bảng 5 cho thấy chi phí trồng mía quá cao mà năng suất lại thấp do hầu hết nông dân dùng giống cũ, sử dụng kinh nghiệm để sản xuất mà không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Mặt khác, do tình hình nhiễm mặn nên nông dân phải xuống nhiều đợt giống nên chi phí cao và năng suất thấp.

Bảng 6. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

Các yếu tố ảnh hưởng	Đơn vị	Hệ số hồi quy	Mức ý nghĩa	Hệ số VIF
Hằng số		69,71	0,00	
Tỷ lệ nhiễm mặn	%	0,30	0,00	1,74
Độ chữ đường	Độ Brix	-0,35	0,00	1,51
Thiếu lao động	Có/không	0,26	0,00	1,59
Sử dụng giống cũ	Có/không	0,16	0,02	1,32
Tập huấn	Có/không	-0,18	0,02	1,18
Hệ số tương quan R		83,9		
Hệ số xác định R ²		70,4		
Mức ý nghĩa mô hình		0,0		

Độ chữ đường thể hiện mức độ tạo đường của mía nên độ chữ đường rất ảnh hưởng đến giá bán của nông dân, độ chữ đường càng cao thì giá mía càng khả quan cho người nông dân. Kết quả phân tích cho thấy độ chữ đường có giá trị hồi quy là -0,35 độ Brix thể hiện sự nghịch biến với sự thay đổi diện tích trồng mía. Nói cách khác, khi độ chữ đường càng cao thì nông dân ít giảm diện tích đất sản xuất hơn. Như đã phân tích phần trên, đa phần độ chữ đường trong mía của nông dân ở mức thấp nên giá bán mía không được như mong muốn cho nên họ không tiếp tục trồng mía hoặc trồng với diện tích giảm đi.

Một yếu tố quan trọng quyết định năng suất và chất lượng cây mía đó là giống. Kết quả hồi quy thấy được những hộ nông dân có sử dụng giống cũ để sản xuất thì diện tích giảm hơn so với hộ khác. Sử dụng giống cũ, người nông dân dễ canh tác hơn bởi đã quen với đặc tính sinh học của chúng, tuy nhiên lại tạo điều kiện nâng cao sức đề kháng của sâu, bệnh ảnh hưởng xấu đến năng suất và chất lượng mía làm cho thu nhập ít hơn nên họ dễ ngưng sản xuất hoặc sản xuất trên diện tích ít lại.

Thực tế người dân trồng mía ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cũng như sử dụng cơ giới hóa vào sản xuất rất hạn chế vì thế cần rất nhiều lao động trong suốt quá trình canh tác. Thực trạng sản xuất cho thấy lao động gia đình không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất mía vì thế rất cần lực lượng lao động làm thuê ở địa phương. Tuy nhiên theo Trần Thanh Dũng (2016) thì lao động nông thôn, nhất là lao động trẻ có xu hướng dịch chuyển lên các trung tâm thành phố lớn để làm việc vì thế lao động nông thôn ở những nơi chưa cơ giới là rất thiếu. Xu thế đó cũng đã diễn ra tại địa bàn nghiên cứu nên nông dân thiếu lao động họ phải giảm diện tích canh tác nhằm đảm bảo sản xuất hiệu quả. Đây là lý do giải thích mô hình cho kết quả đồng biến giữa diện tích giảm và có sự thiếu lao động sản xuất.

Tập huấn là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao khả năng sản xuất và kinh nghiệm nhất là các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân để sản xuất tốt hơn. Kết quả hồi quy cho thấy khi người dân có tham gia tập huấn thì sản xuất đạt hiệu quả hơn nên khả năng giảm diện tích ít hơn những hộ không tham gia tập huấn.

Nhìn chung, sự suy giảm diện tích đáng kể từ năm 2014 đến năm 2016 là do các nguyên nhân độ chữ đường thấp, sự nhiễm mặn, thiếu lao động, sử dụng giống cũ, và không được tập huấn. Qua đây, các nhà quản lý, nghiên cứu cần tìm các giải pháp khắc phục những hạn chế trên để giữ ổn định diện tích vùng nguyên liệu mía đường.

3.3. Giải pháp ổn định diện tích canh tác mía đường

3.3.1. Cơ sở đề xuất

- Kết quả hồi quy:

Kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy được các yếu tố ảnh hưởng đến sự suy giảm diện tích trồng mía là độ chũr đường thấp, sự nhiễm mặn, thiếu lao động, sử dụng giống cũ, thiếu hỗ trợ của công ty và không được tập huấn.

Độ chũr đường thấp là nguyên nhân được rất nhiều nông hộ phản ánh nhất. Nông dân cho rằng, thông qua độ chũr đường công ty sẽ định giá mía cho nông dân. Tuy nhiên theo thực tế thì việc đo chũr đường được thực hiện bởi công ty và do công ty công bố hoàn toàn người nông dân không biết, nên nông dân thắc mắc về cách đo cũng như chưa yên tâm về kết quả đưa ra từ phía công ty. Người nông dân cho rằng dù họ đã đổi giống mới và cảm nhận từ vị giác ngọt hơn nhưng kết quả đo độ Brix chưa đạt và giá vẫn không được cải thiện.

Gần đây thực trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra tràn lan và gây hậu quả nghiêm trọng trong canh tác nông nghiệp. Cây mía cũng phải chịu ảnh hưởng không nhỏ, khi mà vào mùa nóng hạn, nước biển tràn vào gây thiệt hại rất nhiều cho nông dân.

Thiếu lao động cũng là tình trạng cần quan tâm. Trong quá trình canh tác mía cần rất nhiều lao động, nhưng thực trạng thiếu lao động nông thôn như hiện nay đòi hỏi cần có giải pháp thay thế.

Nông dân bảo thủ chưa chịu đổi giống mới làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cũng như khả năng chống chịu sâu bệnh... Do đó cần có giải pháp khoa học thay đổi kỹ thuật cho người dân.

Trước sự ứng phó biến đổi khí hậu và sự phát triển khoa học kỹ thuật như hiện nay, tập huấn kỹ thuật cách ứng phó cho nông dân là rất quan trọng để tăng năng suất, lợi nhuận mới tránh tình trạng giảm diện tích trồng mía.

- Phân tích SWOT:

Bảng 7. Phân tích ma trận SWOT

SWOT	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
	O ₁ : Đầu ra ổn định O ₂ : Chính sách ưu đãi của Nhà nước	T ₁ : Doanh nghiệp còn non kém T ₂ : Biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn T ₃ : Chũr đường chưa minh bạch
ĐIỂM MẠNH (S)	KẾT HỢP S + O	KẾT HỢP S + T
S ₁ : Nông dân có nhiều kinh nghiệm trồng mía S ₂ : Đất đai thuận lợi cho phát triển của cây mía	S ₁ ,S ₂ + O ₁ ,O ₂ : Tích cực trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng diện tích	S ₁ ,S ₂ + T ₁ : Doanh nghiệp nâng cao trình độ sản xuất, vốn để mở rộng vùng nguyên liệu S ₁ ,S ₂ + T ₂ : Học tập cách ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn S ₁ ,S ₂ + T ₃ : Có cơ quan trung gian hiểu về đo chũr đường một cách minh bạch
ĐIỂM YẾU (W)	KẾT HỢP W + O	KẾT HỢP W + T
W ₁ : Công nghệ lạc hậu W ₂ : Thiếu lao động W ₃ : Thiếu vốn cho nông dân và doanh nghiệp W ₄ : Thiếu giống tốt, giống mới	W ₁ ,W ₂ + O ₁ ,O ₂ : Cần ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất W ₃ + O ₂ : Hỗ trợ vốn vay cho nông dân sản xuất và vốn vay cho doanh nghiệp mở rộng vùng nguyên liệu W ₁ ,W ₄ + O ₂ : Nghiên cứu giống mới, thích hợp, năng suất cao W ₁ + O ₂ : Tổ chức kinh tế tập thể như tổ hợp tác, hợp tác xã	W ₁ + T ₁ ,T ₂ : Tham gia tập huấn, học hỏi thêm kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác W ₁ + T ₂ : Cần hỗ trợ của công ty và chính quyền W ₃ + T ₃ : Hỗ trợ vốn vay cho nông dân và doanh nghiệp W ₁ ,W ₄ + T ₁ ,T ₂ : Nghiên cứu giống mới, chuyển giao và nhân rộng cho nông dân

3.3.2. Đề xuất giải pháp ổn định vùng nguyên liệu mía đường

Trước thực tế diện tích vùng nguyên liệu mía đường suy giảm nghiêm trọng, trong nghiên cứu này đã đề xuất một số giải pháp góp phần giữ ổn định diện tích mía.

Trước hết phải là giải pháp về tính minh bạch trong xác định độ chũr đường là điều mà tất cả nông dân đều quan tâm. Nếu việc kiểm định độ Brix chỉ phía công ty thực hiện và đưa kết quả để quyết định giá cho mía thì nông dân chưa thực sự tin tưởng kết quả đó. Vì thế trong giải pháp này cần có một cơ quan trung gian chuyên trách kiểm định cho minh bạch độ chũr đường trong mía, để nông dân có thể yên tâm canh tác.

Trong tình hình biến đổi khí hậu, nhất là nạn đất nhiễm mặn như hiện nay người nông dân rất cần sự hỗ trợ của công ty và chính quyền về tập huấn, hỗ trợ vật tư đầu vào, ký hợp đồng đầu ra... Cho nên, nhà nước và công ty phải mở các lớp tập huấn về kỹ thuật mới ứng phó nhiễm mặn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới giúp nông dân giảm chi phí tăng chất lượng.

Nhà nước cần hỗ trợ cho nông dân và doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn để phục vụ sản xuất và kinh doanh. Hiện nay trước tình hình thiếu lao động, thì việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất là giải pháp thích hợp cho nông dân, vì thế nông dân rất cần nguồn vốn lớn để trang bị phương tiện sản xuất tốt hơn, hiệu quả hơn. Doanh nghiệp cũng rất cần vốn để mở rộng vùng nguyên liệu, hoặc hỗ trợ nông dân trong các khâu sản xuất, vật tư, đầu tư cho vùng nguyên liệu các loại máy móc phục vụ sản xuất.

Các nhà khoa học, công ty cần nghiên cứu các loại giống mía mới chống chịu sâu bệnh, thích ứng xâm nhập mặn như hiện nay mà vẫn đảm bảo năng suất cao, độ chũr đường như mong muốn. Phần lớn nông dân hiện nay đang sử dụng giống cũ nên tình hình sâu bệnh càng nhiều, không thích hợp với nguồn nước mặn, mà nguyên nhân là do nguồn giống cải tiến, giống mới chưa nhiều nên nông dân chưa có sự lựa chọn.

Tổ chức kinh tế tập thể như tổ hợp tác, hợp tác xã cho nông dân. Thực trạng diện tích canh tác mía tại địa bàn nghiên cứu nhỏ lẻ, manh mún nên khó ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, cũng như sản xuất tự phát nên chất lượng không đều. Tổ hợp nông dân lại để giải quyết vấn đề trên, đồng thời giúp nông dân mua vật tư đầu vào với giá thấp hơn, đầu ra được ổn định và giá cả được cải thiện hơn.

Thực hiện các giải pháp trên góp phần nâng cao năng suất, nông dân đạt hiệu quả canh tác, từ đó nông dân chủ động mở rộng diện tích giúp ổn định vùng nguyên liệu mía đường Trà Cú.

4. KẾT LUẬN

Nông dân có nhiều kinh nghiệm, điều kiện tự nhiên để canh tác mía. Tình hình sâu bệnh gây hại mùa vụ nhưng không nhiều, nông dân cũng có phương cách ứng phó tốt. Phần lớn nông dân sản xuất mía có lợi nhuận chưa cao và còn một số hộ bị lỗ. Diện tích mía từ năm 2014 đến năm 2016 giảm rất nhiều, nguyên nhân là do đất đai bị nhiễm mặn, độ chũr đường đo chưa được minh bạch, chưa đẩy mạnh công tác tập huấn kỹ thuật cho nông dân, lao động trên địa bàn nghiên cứu còn thiếu và nông dân còn sử dụng nhiều giống cũ để canh tác.

Đề tài cũng đề xuất một số giải pháp để ổn định diện tích trồng mía là ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất; nghiên cứu và nhân rộng các loại giống mía mới đạt năng suất, chất

lượng cao; liên kết ngang trong nông dân trong mô hình tổ hợp tác hoặc hợp tác xã; sự hỗ trợ vốn của chính quyền về vốn cho nông dân và doanh nghiệp; Nhà nước và doanh nghiệp thường xuyên mở lớp tập huấn cho nông dân về kỹ thuật canh tác mới chống chịu biến đổi khí hậu, đặc biệt cần có sự minh bạch khi kiểm định độ chũr đường bằng cách có sự can thiệp của cơ quan trung gian kiểm định và cho kết quả một cách công bằng nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. (2015). *Báo cáo tổng kết hội nghị Mía đường niên vụ 2014/2015*.
- Bùi Văn Trịnh và Phan Thị Xuân Huệ. (2015). Hiệu quả mô hình sản xuất đậu phộng ở tỉnh Trà Vinh: Trường hợp nông hộ canh tác vụ 2 ở huyện Cầu Ngang. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 25(35), 113–119.
- Nguyễn Ngô. (2011). *Công nghệ đường mía*. Hà Nội: NXB Bách Khoa.
- Phạm Lê Thông, Huỳnh Việt Khải, Tống Yên Dân, Huỳnh Thị Đan Xuân, Khổng Tiến Dũng. (2010). *Phân phối hiệu quả kỹ thuật, phân phối và kinh tế của việc sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Đề tài khoa học cấp Bộ.
- Trần Lợi. (2012). Hiệu quả sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí khoa học xã hội và nhân văn*, 5, 67 – 74.
- Trần Thanh Dũng. (2016). Năng lực của thanh niên nông thôn trong quá trình hội nhập. *Bản tin khoa học trẻ*, 2(3), 91–97.
- Trần Thùy. (1999). *Kỹ thuật trồng mía*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Nông nghiệp.
- Trương Thị Ngọc Chi. (2012). *Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Cần Thơ*. Đề tài nghiên cứu cấp tỉnh

FACTORS AFFECTING THE REDUCTION OF SUGARCANE AREA IN TRA CU DISTRICT, TRA VINH PROVINCE

**Tran Thanh Dung¹, Nguyen Hoang Phong², Vo Thi Lao¹,
Nguyen Thi Thao Linh¹, Nguyen Lam Thao Lan¹**

¹Can Tho University;

²Intermediate level boarding school of Tra Cu district

Contact email: thanhdung@ctu.edu.vn

ABSTRACT

This research aimed at identifying factors that reduced the cultivation area and solutions to stabilize sugarcane area. Random sampling method was employed to select 90 sugarcane cultivating farmers for interviewing. Collected information was analysed by descriptive statistic tools, linear regression and SWOT. The results showed that, farmers had low profits and the area was reduced significantly over the years. Factors affecting the reduction of sugarcane area included the Brix indicator; soil salinity; training; labor shortage and using the old breed. Therefore, the topic proposed some solutions to stabilize the area of sugarcane raw materials.

Key words: Decreasing area, raw material area, sugar cane.

Received: 2nd January 2018

Reviewed: 1st February 2018

Accepted: 15th May 2018